

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/DS-ST.

Ngày: 08-6-2020.

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thái.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Quốc Tiết.

Ông Đặng Văn Bé.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy - Thư ký
Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Phạm Minh Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 20/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2020, về việc: tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐXXST-DS, ngày 28 tháng 4 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 18/2020/QĐST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm: 1962. Cư trú tại: Số nhà 85, đường Huỳnh Văn Tạo, phường 3, thành phố T, tỉnh L.

- *Bị đơn:*

1- Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1949.

2- Bà Huỳnh Thị C, sinh năm: 1951.

Cùng cư trú tại: Số nhà 11/2, ấp L, xã A, huyện C, tỉnh L.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1979. Cư trú tại: Số nhà 44/14A, hẻm 44, đường 827, khu phố 3, thị trấn T, huyện C, tỉnh L.

(Bà M, ông Đ có mặt; Bà C, bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/12/2019 và những lời khai trình tại tòa, bà Nguyễn Thị Tuyết M là nguyên đơn trình bày: Vào ngày 07/9/2019, bà có cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Huỳnh Thị C vay số tiền là 300.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, thời hạn trả là 01 tháng kể từ ngày ký giấy nhận nợ, theo giấy nhận nợ ngày 07/9/2019. Ông Đ, bà C có giao cho bà một giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất do ông Đ đứng tên quyền sử dụng đất. Sau đó một thời gian, bà Nguyễn Thị Thanh T (là con gái của ông Đ, bà C) đến năn nỉ khóc lóc xin mượn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đ nên bà đã giao trả lại giấy quyền sử dụng đất lại cho T. Đến hạn trả nợ, bà đã yêu cầu trả nợ nhiều lần nhưng ông Đ, bà C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Khi giao tiền, bà trực tiếp giao cho bà C và T. Bà C cùng với T kiểm tiền tại kho thanh long của bà T. Nay bà yêu cầu ông Đ, bà C phải liên đới trả cho bà số nợ gốc vay là 300.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bà không yêu cầu Nguyễn Thị Thanh T phải liên đới trả nợ cho bà, vì bà chỉ cho ông Đ, bà C vay tiền, chứ bà không có cho bà Nguyễn Thị Thanh T vay tiền.

Ông Nguyễn Văn Đ là bị đơn trình bày: Ông không đồng ý với lời trình bày và yêu cầu của bà Nguyễn Thị Tuyết M. Thực tế ông và vợ ông là bà C không có hỏi vay tiền của bà M mà do con gái ông tên Nguyễn Thị Thanh T hỏi vay tiền của bà M. Khi giao nhận tiền thì bà Tuyết M trực tiếp giao tiền cho T, bà C chỉ chứng kiến việc giao tiền nhưng không có nhận tiền. Khi vay tiền, T về mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông để thế chấp vay tiền của bà M, có kêu ông và bà C ký tên vào giấy mượn tiền. Một vài tháng sau con gái ông đã chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trả lại cho ông xong. Do vợ chồng ông và bà C không có nhận tiền của bà M nên ông không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của bà M.

Bà Huỳnh Thị C là bị đơn trình bày: Tại biên bản ghi lời khai ngày 06/02/2020 thể hiện bà không có vay tiền của bà Tuyết M, do con gái bà là Nguyễn Thị Thanh T về hỏi mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng bà để thế chấp vay tiền của bà M. Vài tháng sau con gái bà đã chuộc lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trả lại cho vợ chồng bà. Bà có ký tên vào giấy mượn tiền nhưng không có nhận tiền của bà M nên bà không có trách nhiệm gì đối với số nợ này.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định về thủ tục tố tụng. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật. Đối với bà Huỳnh Thị C và bà Nguyễn Thị Thanh T vắng mặt, đề nghị áp dụng các Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với hai đương sự. Về nội dung vụ án xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc hai bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số nợ gốc vay là 300.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Qua lời khai trình của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà Nguyễn Thị Tuyết M với ông Nguyễn Văn Đ và bà Huỳnh Thị C có phát sinh tranh chấp hợp đồng vay tài sản, có lãi; việc tranh chấp và thẩm quyền giải quyết được quy định tại các Điều 26, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý, giải quyết theo quy định. Đối với bà Huỳnh Thị C là bị đơn và bà Nguyễn Thị Thanh T là người có quyền lợi nghĩa vụ

liên quan vắng mặt lần 2 nên áp dụng các Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt hai đương sự.

[2] Qua lời khai trình của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù ông Nguyễn Văn Đ và bà Huỳnh Thị C khai trình ông bà không có trực tiếp vay tiền của bà Nguyễn Thị Tuyết M, mà do con gái của ông bà là bà Nguyễn Thị Thanh T vay và nhận tiền, nên ông bà không có trách nhiệm gì về số nợ này nhưng ông bà thừa nhận chữ ký và chữ viết họ tên trong giấy mượn tiền ngày 07 tháng 9 năm 2019 là của ông bà; khi vay tiền có đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đ cho bà Tuyết M giữ để làm tin và khi đi nhận tiền vay có bà C cùng nhận tiền với bà Nguyễn Thị Thanh T nên có đủ căn cứ xác định ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị C có xác lập hợp đồng vay tài sản với bà Nguyễn Thị Tuyết M số tiền vay 300.000.000 đồng, theo giấy mượn tiền ngày 07 tháng 9 năm 2019. Bà Tuyết M yêu cầu ông Đ, bà C phải liên đới thanh toán số nợ gốc vay là 300.000.000 đồng không yêu cầu tính lãi, yêu cầu này phù hợp với quy định tại các Điều 288, 463, 466 và 470 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Do đó cần buộc ông Đ, bà C phải liên đới thanh toán số nợ gốc vay cho bà Tuyết M số tiền 300.000.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

Đối với bà Nguyễn Thị Thanh T, trong giấy mượn tiền ngày 07 tháng 9 năm 2019 không thể hiện trách nhiệm liên quan gì và bà Tuyết M trình bày bà không cho bà T vay tiền do đó không có căn cứ buộc bà T phải trả nợ vay cho bà Tuyết M như lời trình bày của ông Đ, bà C.

[3] Quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị Tuyết M được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn Đ và bà Huỳnh Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nhưng ông Đ, bà C là người cao tuổi, được miễn án phí. Tòa án đã giải thích, hướng dẫn ông Đ, bà C làm đơn xin miễn án phí, nhưng ông Đ từ chối không làm đơn xin miễn án phí, do đó ông Đ, bà C phải chịu án phí theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ($300.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 15.000.000 \text{ đồng}$). Nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng các Điều 288, 357, 463, 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Nguyễn Thị Tuyết M đối với ông Nguyễn Văn Đ và bà Huỳnh Thị C.

Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Huỳnh Thị C phải có trách nhiệm liên đới trả nợ gốc vay cho bà Nguyễn Thị Tuyết M số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Huỳnh Thị C phải chịu 15.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Tuyết M không phải chịu án phí, hoàn trả số tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp là 7.500.000 đồng, theo biên lai thu số 0000223 ngày 10 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh
- Viện kiểm sát huyện
- Chi cục THA dân sự huyện
- Các đương sự
- Lưu (hồ sơ, án văn)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Văn Thái